TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 12 tháng 02 năm 2020
"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu chia tài sản chung''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN,tỉnh Vĩnh Phúc

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Nguyễn Hữu Lợi

2, Ông Nguyễn Quang Thái

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN BÌNH XUYÊN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 62/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1, NguY đơn: Cụ Trần Thị Hò, sinh năm 1927

Địa chỉ: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Vĩ, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc (Theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 08 năm 2019) "có mặt".

2, Bị đơn: Ông Trần Ngọc Quâ, sinh năm 1949

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Khu tập thể Trường Đại học Công nghiệp 1, xã Tây T, huyện T, thành phố Hà Nội , "có mặt".

Bà Trần Thị Đư, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Mỹ Đô, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc"có mặt".

3, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Li, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu tập thể Trường Đại học Công nghiệp 1, xã Tây T, huyện T, thành phố Hà Nội "có mặt".

- Ông Trần Ngọc Dâ, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn Tiền Phong, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Trần Ngọc Vĩ, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc"có mặt".

- Bà Trần Thị La, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn Mỹ Đô, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc

- Bà Đỗ Thị Yế, sinh năm 1970 (Là vợ của ông Ninh)

- Chị Trần Thị Hồ, sinh năm 1990 (Là con của ông Ninh)

- Chị Trần Thị Phư, sinh năm 1991(Là con của ông Ninh)

- Chị Trần Thị Tra, sinh năm 1995 (Là con của ông Ninh)

- Chị Trần Thị Quỳ, sinh năm 2003 (Là con của ông Ninh).

Người đại diện Hợp phápcủa chị Quỳ là bà Đỗ Thị Yế, sinh năm 1970 (Là mẹ đẻ chị Quỳ).

Đều có địa chỉ: Thôn Mỹ Đô, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện Hợp phápcủa ông Dâ, bà La, bàYế, chị Hồ, chị Phư, chị Trang, chị Quỳ: Ông Trần Ngọc Vĩ, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc(Theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 08 năm 2019) "có mặt".

- Ông Trần Văn Hiế, sinh năm 1958

- Anh Trần Văn Hù, sinh năm 1991

- Chị Nguyễn Thị Hợ, sinh năm 1994

- Anh Trần Văn Mạ, sinh năm 1997

Người đại diện hợp pháp của ông Hiế, anh Hù, chị Hợ và anh Mạ: Bà Trần Thị Đư, sinh năm 1965; đều có địa chỉ: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc(Theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 08 năm 2019) "có mặt".

- Ông Trần Xuân Tĩn, sinh năm 1953 (Là chồngng của bà Y) "vắng mặt".

- Anh Trần Xuân Tuấ, sinh năm 1978, (Là con của bà Y) "vắng mặt".

- Anh Trần Xuân Huấ, sinh năm 1980, (Là con của bà Y) "vắng mặt".

- Chị Trần Thị Huyề, sinh năm 1982, (Là con của bà Y) "vắng mặt".

Đều có địa chỉ: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơnvà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc Vĩ trình bày: Cụ Trần Ngọc Tòng và cụ Trần Thị Hò có sinh được 08 người con là ông Trần Ngọc Quâ; ông Trần Ngọc Dâ; ông Trần Ngọc Vĩ; bà Trần Thị Yê(đã chết năm 2018, bà Y có chồng là ông Trần Xuân Tĩn và 03 người con là anh Trần Xuân Tuấ; anh Trần Xuân Huấ; chị Trần Thị Huyề) bà Trần Thị La; bà Trần Thị Đư; ông Trần Ngọc Thu (chết lúc 03 tuổi); ông Trần Ngọc Ni(chết năm 2007, ông Ninh có vợ là bà Đỗ Thị Yế và có 04 người con là chị Trần Thị Hồ; chị Trần Thị Phư; chị Trần Thị Tra; chị Trần Thị Quỳ). Hai cụ không ai có con riêng và không có con nuôi.

Cụ Tòng và cụ Hò có tạo dựng được diện tích đất 636m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 436m^2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 13, ở thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúctheo GCNQSDĐ số T750290 do UBND HUYỆN BÌNH XUYÊN cấp ngày 01 tháng 10 năm 2001 đứng tên cụ Trần Ngọc Tòng.

Năm 2003 cụ Tòng chết, khi cụ Tòng chết thì cụ Hò là người đứng ra lo liệu và chi phí toàn bộ tiền mai táng phí, các con có đóng góp theo phong tục tập quán của địa phương. Trước khi chết, cụ Tòng không để lại di chúc về việc phân chia tài sản. Đến năm 2014 gia đình họp và đi đến thống nhất cắt cho bà Trần Thị Đư 121m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Đư, do tin tưởng nên cụ Hò đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Quâ để làm thủ tục tách đất cho bà Đư, nhưng sau đó ông Quâ đã tự ý sang tên đối với diện tích đất 515,2m^2 đứng tên ông Trần Ngọc Quâ, đến năm 2017 gia đình phát hiện ra sự việc này và đã có đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúcyêu cầu giải quyết tuY bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH469145 của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 23, diện tích 515,2m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúcdo Sở tài NguY và môi trường TỈNH VĨNH PHÚCcấp cho ông Trần Ngọc Quâ và

hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV492618 đã cấp cho bà Trần Thị Đư và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúcvà Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội Quyết định tuY bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập ngày 11 tháng 8 năm 2014 và Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 11 tháng 8 năm 2014 được Văn phòng công chứng Bình XuY công chứng số 1098a, 1098b quyển số 07/2014/VP/CC/HĐGD ngày 28 tháng 8 năm 2014 giữa cụ Trần Thị Hò, ông Trần Ngọc Quâ, ông Trần Ngọc Dâ, ông Trần Ngọc Vĩ, bà Trần Thị Đư, bà Trần Thị Y, bà Trần Thị La và bà Đỗ Thị Yế là vô hiệu và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Ngọc Quâ và bà Trần Thị Đư. Hiện nay toàn bộ diện tích đất này do cụ Hò quản lý sử dụng một phần. Một phần đất do bà Đư đã xây nhà và ở trên đất.

Trên đất hiện nay có 01 ngôi nhà cấp bốn 03 gian, diện tích khoảng 70m^2 (ngôi nhà này do cụ Hò và cụ Tòng xây đã cũ nát không còn giá trị sử dụng); 01 ngôi nhà cấp 4 do bà Đư xây dựng, hiện bà Đư đang quản lý sử dụng và 01 ngôi nhà cấp 4 do ông Quâ là người đứng ra xây để cụ Hò ở nên nguồn tiền là do cụ Hò đưa cho ông Quâ tổng số tiền 220.000.000 đồng để ông Quâ xây nhà, ngoài ra không có ai đóng góp đồng nào, thiếu bao nhiêu ông Quâ phụ thêm để xây hoàn thiện ngôi nhà đó, nguồn tiền của cụ Hò đưa cho ông Quâ là do nhà nước thu hồi đất nông nghiệp được đền bù năm 2011 và tiền cụ Hò tích cóp mà có. Hiện cụ Hò đang quản lý sử dụng ngôi nhà do ông Quâ đứng ra xây. Ngoài ra trên đất có một số cây ăn quả do cụ Hò trồng. Việc cụ Hò đưa tiền để ông Quâ xây nhà, cụ không có chứng cứ gì để chứng minh nên không yêu cầu gì đối với số tiền này. Nếu ông Quâ cho rằng toàn bộ tiền xây nhà là của ông Quâ thì cụ cũng đồng ý và sẽ thanh toán trả ông Quâ số tiền trị giá ngôi nhà theo giá trị thực tế.

Nay cụ Hò có đơn khởi kiện yêu cầu chia đôi diện tích đất của cụ và cụ Tòng theo số liệu thực tế khi đo đạc là 642,9 m^2, thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc, cụ xin được hưởng ½ diện tích đất và yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất của cụ Tòng cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật, phần của cụ được hưởng thừa kế của cụ Tòng bao nhiêu cụ xin hưởng bấy nhiêu. Đối với 03 gian nhà do cụ và cụ Tòng xây dựng hiện cụ đang quản lý, sử dụng, nhà đã cũ nên cụ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với công duy trì tôn tạo tài sản cụ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với việc chồng và các con của bà Y có đơn từ chối hưởng phần di sản của bà Y được chia, cụ cũng đồng ý, theo quy định của pháp luật thì cụ là mẹ của bà Y thì cụ cũng được hưởng một phần nhưng nay cụ từ chối hưởng phần di sản này và đồng ý nhập toàn bộ phần di sản bà Y được chia để chia đều cho các thừa kế. Đối với phần di sản của ông Ninh được chia cụ chưa yêu cầu

Tòa án giải quyết, cụ đề nghị giao toàn bộ phần di sản của ông Ninh được chia cho người đại diện của ông Ninh là bàYế quản lý. Ngoài ra cụ không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn là ông Trần Ngọc Quâ trình bày: Bố ông là cụ Trần Ngọc Tòng và mẹ ông là cụ Trần Thị Hò có sinh được 08 người con: Ông và ông Trần Ngọc Dâ; ông Trần Ngọc Vĩ; bà Trần Thị Yê(đã chết năm 2018, bà Y có chồng là ông Trần Xuân Tĩn và 03 người con là anh Trần Xuân Tuấ; anh Trần Xuân Huấ; chị Trần Thị Huyề) bà Trần Thị La; bà Trần Thị Đư; ông Trần Ngọc Thu (chết lúc 03 tuổi); ông Trần Ngọc Ni(chết năm 2007, ông Ninh có vợ là bà Đỗ Thị Yế và có 04 người con là chị Trần Thị Hồ; chị Trần Thị Phư; chị Trần Thị Tra; chị Trần Thị Quỳ). Hai cụ không ai có con riêng và không có con nuôi.

Về nguồn gốc diện tích đất cụ Hò khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là của cụ Tòng và cụ Hò nhưng năm 2002 cụ Tòng có họp gia đình và tuY bố cho ông toàn bộ diện tích đất mà cụ Hò đang khởi kiện. Việc cho chỉ nói bằng miệng chứ không viết giấy tờ văn bản gì nhưng có 03 người làm chứng là bà Đỗ Thị Thuyết, bà Trần Thị Tuyết và bà Trần Thị Gái, những người này đã có văn bản xác nhận làm chứng, ông đã gửi tại Tòa án. Năm 2003 bố ông là cụ Tòng chết không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế. Năm 2006 mẹ ông là cụ Hò đã lập di chúc cho ông toàn bộ diện tích đất 636 m^2 đất cùng toàn bộ tài sản trên đất, di chúc đã được chứng thực của UBND xã Tân Phong. Đầu năm 2014 do nhà nước làm Đư nên phần nhà do bố mẹ ông xây dựng thấp hơn Đư, nhà ẩm thấp và đã quá cũ nên ông đã phá một phần nhà cũ, xây ngôi nhà cấp 4 mục đích để mẹ ông là cụ Hò ở và ông về ở với cụ chăm sóc cụ khi tuổi già. Nhưng ông chỉ ở cùng cụ Hò được khoảng 02 năm, sau đó do sức khỏe yếu, ông bị bệnh tim nên ông lại về Hà Nội ở cùng vợ và các con để tiện cho việc chữa bệnh. Nguồn tiền để xây nhà là của ông và bà Li các con ông không ai có đóng góp gì. Ngày 11 tháng 8 năm 2014 mẹ ông và các anh em trong gia đình đã cùng nhau thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cho ông và bà Đư đất nên ông cùng bà Đư đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2017 chị Trần Thị Hồ, chị Trần Thị Phư, chị Trần Thị Thu Trang đã có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp yêu cầu tuY bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH469145 của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 23, diện tích 515,2m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúcdo Sở tài NguY và môi trường TỈNH VĨNH PHÚCcấp cho ông Trần Ngọc Quâ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV492618 đã cấp cho bà Trần Thị Đư và đã được Tòa án 2 cấp hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông và bà Đư. Hiện nay cụ Hò vẫn đang ở trên ngôi nhà vợ chồng ông xây và cụ Hò quản lý toàn bộ diện tích đất.

Sau khi ông được bố mẹ cho đất ông có cho bà Đư 121m^2 đất trong tổng số diện tích đất 636m^2, đến năm 2015 bà Đư có xây 01 ngôi nhà trên đất để ở trông nom cụ Hò, hiện nay bà Đư và con trai bà Đư đang quản lý sử dụng diện tích đất này.

Ngoài ngôi nhà vợ chồng ông xây dựng trên đất ông không xây dựng thêm bất cứ công trình gì khác, ông có trồng một số loại cây ăn quả trên đất nhưng ông không có yêu cầu gì về số tài sản này. Trên đất có còn 03 gian nhà của cụ Tòng và cụ Hò xây dựng nhưng đến nay đã cũ, ông không có yêu cầu gì đối với ngôi nhà này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ Hò ông có ý kiến như sau:

Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà nước cấp cho ông đã bị Hủy nhưng toàn bộ diện tích đất vẫn là của ông nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Hò về việc chia đất.

Nếu phải phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất trên thì phần ngôi nhà ông đã xây trên đất ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với cây cối lâm lộc ông đã trồng trên đất và 03 gian nhà của cụ Tòng và cụ Hò xây dựng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với phần diện tích đất tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc cụ Hò mẹ đẻ bà Y, chồng và các con của bà Y từ chối hưởng phần di sản của bà Y ông không có ý kiến gì, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Trần Thị Đư đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quanlà ông Trần Văn Hiế, anh Trần Văn Hù, anh Trần Văn Mạ, chị Nguyễn Thị Hợ trình bày và xác nhận: Về quan hệ gia đình, việc bố mẹ bà sinh được 08 người con, không ai có con riêng và cũng không có con nuôi và khi còn sống bố mẹ bà có tài sản là quyền sử dụng 636m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 436m^2 đất trồng cây lâu năm), tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc; trước khi chết bố bà không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế là ½ diện tích đất trên như nguyên đơntrình bày là đúng bà không bổ sung gì thêm.

Ngày 11 tháng 8 năm 2014 mẹ bà và các anh em trong gia đình đã cùng nhau thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và bà cùng ông Quâ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2017 chị Trần

Thị Hồ, chị Trần Thị Phư, chị Trần Thị Thu Trang đã có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp yêu cầu tuY bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH469145 của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 23, diện tích 515,2m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúcdo Sở tài NguY và môi trường TỈNH VĨNH PHÚCcấp cho ông Trần Ngọc Quâ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV492618 đã cấp cho bà và đã được Tòa án 2 cấp hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà và ông Quâ. Năm 2015 bà có xây nhà trên diện tích đất được cho, sau khi xây nhà bà ra ở để trông nom cụ Hò khi ốm đau, hiện nay bà cùng con trai, con dâu là anhHù và chị Hợ đang ở trên phần đất được cho; còn ngôi nhà ông Quâ xây dựng do cụ Hò đang ở và cụ Hò đang quản lý toàn bộ diện tích đất còn lại. Mặc dù bà đã xây nhà trên đất và ở từ năm 2015 cho đến nay nhưng nay cụ Hò khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế phần của bố bà khi chết để lại bà đồng ý trả lại đất để phân chia. Nguồn tiền để xây nhà là của bà và ông Hiế chồng bà, các con bà không có đóng góp gì vào việc xây nhà. Khi phân chia thừa kế, phần bà được chia bao nhiêu, bà xin hưởng bấy nhiêu, bà xin được sử dụng phần đất có nhà bà đã xây, phần chênh lệch bao nhiêu bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

Trên đất hiện nay có 01 ngôi nhà cấp bốn 03 gian, diện tích khoảng 70m^2 (ngôi nhà này do cụ Hò và cụ Tòng xây đã cũ nát không còn giá trị sử dụng) bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với phần cây cối lâm lộc trồng trên đất chia vào phần của ai người đó sử dụng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đã sống trên đất từ năm 2015 cho đến nay, bà có chăm sóc cụ Hò khi ốm đau và chăm nom đối với tài sản trên đất nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về công duy trì tôn tạo tài sản.

Toàn bộ khối tài sản do mẹ bà là cụ Hò khởi kiện có nguồn gốc là tài sản chung của cụ Tòng và cụ Hò. Hiện một phần đất do cụ Hò quản lý, đất không có tranh chấp với các hộ liền kề nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia theo số liệu thực tế khi thẩm định tài sản.

Đối với việc cụ Hò mẹ đẻ bà Y, chồng và các con của bà Y từ chối hưởng phần di sản của bà Y bà đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với phần di sản của bà Y bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Năm 2002 gia đình bà không họp gia đình để cho ông Quâ đất.

Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quanlà bà Li trình bày:

Bà đồng ý với lời trình trình bày của ông Quâ chồng bà, không bổ sung gì thêm. Đối với nguồn tiền để xây nhà là của ông Quâ và bà, các con bà không có

đóng góp gì. Việc xây nhà mục đích để cụ Hò và ông Quâ ở nhưng sau đó ông Quâ về Hà Nội sống cùng bà và các con bà thì chỉ có mình cụ Hò sống trên ngôi nhà do vợ chồng bà xây dựng và quản lý diện tích đất. Theo bà Toàn bộ diện tích đất cụ Hò và cụ Tòng đã cho ông Quâ và cho bà Đư một phần nên không còn để phân chia. Do vậy bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Hò.

Nếu phải phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất trên thì phần ngôi nhà ông Quâ và bà đã xây trên đất, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Ngọc Vĩ là người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quanđồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Dâ, bà La trình bày và xác nhận: Về quan hệ gia đình, việc bố mẹ sinh được 08 người con, không ai có con riêng và cũng không ai có con nuôi và bố mẹ ông bà có tài sản chung là quyền sử dụng 636m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 436m^2 đất trồng cây lâu năm), tại thôn Nam Bản, xã Tân Phong, HUYỆN BÌNH XUYÊN; trước khi chết cụ Tòng không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế là ½ diện tích đất trên như nguyên đơntrình bày là đúng.

Việc cụ Hò khởi kiện các ông, các bà đều đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của cụ Hò và phân chia diện tích đất trên theo số liệu đo đạc thực tế, phần các ông bà được chia bao nhiêu các ông bà xin hưởng bấy nhiêu theo quy định của pháp luật.

Trên đất hiện nay có 01 ngôi nhà cấp bốn 03 gian, diện tích khoảng 70m^2 (ngôi nhà này do cụ Hò và cụ Tòng xây đã cũ nát không còn giá trị sử dụng) các ông bà không yêu cầu Tòa án phân chia. Các ông bà đề nghị giao phần nhà cho cụ Hò sử dụng, còn cây cối lâm lộc trồng trên đất là của cụ Hò trồng nên không yêu cầu phân chia. Khi chia tài sản và chia thừa kế nếu chia cây cối vào phần đất của ai thì người đó sử dụng, các ông bà không có ý kiến gì. Đối với việc cụ Hò mẹ đẻ bà Y, chồng và các con của bà Y từ chối hưởng phần di sản của bà Y các ông bà đều đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với phần di sản của bà Y các ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Năm 2002 bố mẹ ông, bà không tổ chức họp gia đình để chia cho ông Quâ đất và cụ Tòng khi còn sống cũng không hề nói cho ông Quâ đất.

BàYế và người đại diện theo ủy quyền của bàYế, chị Hồ, chị Phư, chị Trang, chị Quỳ là ông Trần Ngọc Vĩ trình bày và xác nhận: Về quan hệ gia đình và việc cụ Tòng, cụ Hò có tài sản chung là quyền sử dụng 636m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 436m^2 đất trồng cây lâu năm), tại thôn Nam Bản, xã Tân

Phong, HUYỆN BÌNH XUYÊN; trước khi chết cụ Tòng không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế là ½ diện tích đất trên như nguyên đơntrình bày là đúng, bàYế, chị Hồ, chị Phư, chị Trang, chị Quỳ không bổ sung gì thêm. BàYế là vợ của ông Trần Ngọc Ni(chết năm 2007); chị Hồ, chị Phư, chị Trang, chị Quỳ là con của ông Ninh bàYế. Nay cụ Hò là mẹ đẻ ông Ninh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế của cụ Tòng khi chết để lại, trong đó ông Ninh là người được hưởng thừa kế tài sản nhưng ông Ninh đã chết. Do vậy, trong trường Hợ Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ Tòng theo quy định của pháp luật phần của ông Ninh được hưởng bao nhiêu thì bàYế, chị Hồ, chị Phư, chị Trang, chị Quỳ xin sử dụng bấy nhiêu. Hiện bàYế, chị Hồ, chị Phư, chị Trang, chị Quỳ chưa có đơn yêu cầu chia di sản của ông Ninh khi chết để lại, sau này sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quanlà ông Trần Xuân Tĩn; anh Trần Xuân Tuấ; anh Trần Xuân Huấ; chị Trần Thị Huyề có đơn xin từ chối hưởng di sản thừa kế và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân Dân huyện Bình Xuyênphát biểu quan điểm như sau: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 về: Thụ lý vụ án, giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đúng, đầy đủ. Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. NguY đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quanđã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 609, 612, 623, 649, 651, 620 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Thị Hò.

Chia cho bà Đư quản lý sử dụng 106,9m^{2}đất; ông Quâ quản lý sử dụng 128,4 m^{2}đất; cụ Hò quản lý sử dụng 407,6m^{2}đất; cụ Hò, ông Quâ, bà Đư phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho những người thừa kế khác gồm: Ông Dâ, ông Vĩ, bà La, bàYế (BàYế là đại diện của những người thừa kế của ông Ninh).

Về án phí: Cụ Hò, Ông Quâ, bà La, ông Dâ, ông Vĩ được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326;

Bà Đư, bàYế phải chịu án phí tương ứng với phần di sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cụ Trần Thị Hò khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 642,9m^2 đất (Trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 442,9m^2 đất trồng cây lâu năm), thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã Tân Phong HUYỆN BÌNH XUYÊN,tỉnh Vĩnh Phúcvà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tòng khi chết để lại. Do vậy, đây là vụ kiện yêu cầu chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN BÌNH XUYÊN.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơnvà yêu cầu của các đương sự trong vụ án Hội đồng xét xử thấy:

Bị đơn là bà Đư và những người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quantrong vụ án đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Hò.

Bị đơn là ông Quâ và bà Li là vợ ông Quâ là người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quantrong vụ án đều không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Hò vì cho rằng năm 2002 bố ông Quâ là cụ Tòng đã cho ông toàn bộ diện tích đất; năm 2006 mẹ ông đã lập di chúc cho ông đất; ngày 11 tháng 8 năm 2014 mẹ ông và các anh em trong gia đình đã cùng nhau thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và đã cho ông và bà Đư đất; ông cùng bà Đư đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị Hủy nhưng theo ông Quâ thì toàn bộ diện tích đất vẫn là của ông nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Hò.

Đối với quan điểm của ông Quâ Hội đồng xét xử thấy: Ông Quâ cho rằng năm 2002 khi bố ông là cụ Tòng còn sống có họp gia đình và thống nhất cho ông toàn bộ diện tích đất 636m^2 đứng tên cụ Tòng nhưng việc cho chỉ nói bằng miệng chứ không viết văn bản giấy tờ gì. Ông Quâ có nộp tại Tòa án 01 văn bản xác nhận của cụ Đỗ Thị Thuyết, Trần Thị Tuyết, Trần Thị Gái xác nhận là có họp gia đình năm 2002 và tại cuộc họp cụ Tòng có tuY bố cho ông Quâ 636m^2 đất mà hiện cụ Hò đang khởi kiện yêu cầu phân chia. Theo quy định của Bộ luật Dân sự 1995 thì "Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có chứng nhận của

Công chứng nhà nước hoặc có chứng thực của Uỷ ban nhân Dâ cấp có thẩm quyền và phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu". Trên thực tế ông Quâ khai đã được cho đất nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh và các đồng thừa kế không thừa nhận việc cụ Tòng cho ông Quâ đất vào năm 2002. Do vậy, không có cơ sở để khẳng định là cụ Tòng đã cho ông Quâ toàn bộ diện tích đất nêu trên vào năm 2002.

Đối với việc ông Quâ xuất trình chứng cứ là bản di chúc do cụ Trần Thị Hò lập năm 2006 có chứng thực nhưng bản di chúc chưa có hiệu lực vì cụ Hò vẫn còn sống.

Ngày 11 tháng 8 năm 2014, cụ Hò và các con của cụ Hò, cụ Tòng lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và phân chia toàn bộ diện tích đất 636m^2 đứng tên cụ Tòng. Văn bản được công chứng tại Văn phòng công chứng Bình XuY ngày 28 tháng 08 năm 2014. Căn cứ vào văn bản công chứng ông Quâ bà Đư đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thủ tục công chứng không phù Hợ với quy đinh của pháp luật nên tại bản án Dân sự phúc thẩm số: 05/2019/DS-PT ngày 08 tháng 01 năm 2019 đã quyết định.

1. TuY bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập ngày 11/8/2014 và Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 11/8/2014 được Văn phòng công chứng Bình XuY công chứng số 1098a, 1098b quyển số 07/2014/VP/CC/HĐGD ngày 28/8/2014 giữa cụ Trần Thị Hò, ông Trần Ngọc Quâ, ông Trần Ngọc Dâ, ông Trần Ngọc Vĩ, bà Trần Thị Đư, bà Trần Thị Y, bà Trần Thị La và bà Đỗ Thị Yế là vô hiệu.

2. Hủy quyết định số: 3083/QĐ - UBND ngày 29/10/2014 của Uỷ ban nhân Dâ HUYỆN BÌNH XUYÊN, về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Đư đối với thửa đất số 123a, tờ bản đồ số 13, diện tích 121m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúcvà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Ngọc Quâ, đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 13, diện tích 515 m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV492618 của thửa đất số 123a, tờ bản đồ số 13, diện tích 121m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúcdo Uỷ ban nhân Dân huyện Bình Xuyêncấp ngày 29/10/2014 cho bà Trần Thị Đư.

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 469145 của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 23, có diện tích 515,2 m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn Nam Bản,

xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúcdo Sở Tài nguY và Môi trường TỈNH VĨNH PHÚCcấp ngày 27/3/2017 cho ông Trần Ngọc Quâ….

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định toàn bộ diện tích đất trên là của cụ Trần Ngọc Tòng và cụ Trần Thị Hò.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nguồn gốc diện tích đất 636m^2 thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã Tân Phong HUYỆN BÌNH XUYÊN,tỉnh Vĩnh Phúcđược cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Trần Ngọc Tòng là tài sản chung của cụ Tòng và cụ Hò tạo lập nên. NguY đơn, bị đơn là bà Đư và những người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quantrong vụ án đề nghị Tòa án giải quyết phân chia theo số liệu đo đạc thực tế là 642,9m^2 đất.

Đối với tài sản ông Quâ bà Li xây dựng trên đất, ông Quâ khai năm 2014 do nhà của cụ Tòng, cụ Hò xây dựng đã cũ trời mưa thường bị rột nên đầu năm 2014 vợ chồng ông xây nhà trên đất mục đích để cho mẹ ông là cụ Hò ở và ông về ở cùng với mẹ ông để chăm sóc mẹ khi tuổi già nhưng sau đó do ông bị bệnh tim nên năm 2015 ông về Hà nội ở để tiện cho việc chữa bệnh nên đã cho bà Đư làm nhà trên một phần đất để ở và chăm sóc mẹ khi tuổi già. Nguồn tiền xây dựng ngôi nhà là của vợ chồng ông không Liên quanđến ai khác. Sau khi xây nhà xong mẹ ông là cụ Hò quản lý sử dụng ngôi nhà và ở trên ngôi nhà đó cho đến nay.

Đối với tài sản vợ chồng bà Đư xây dựng trên đất, bà Đư cho rằng việc bà xây nhà ở trên đất là để chăm sóc mẹ khi tuổi già, nay bà Đư đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ Hò. Khi chia thừa kế phần bà được hưởng bao nhiêu bà xin hưởng bấy nhiêu và xin hưởng phần đất có nhà do bà xây dựng, phần chênh lệch bà sẽ thanh toán trả cho các thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang có tranh chấp thì hiện bà Đư đang quản lý sử dụng là 106,9m^2, phần đất và tài sản còn lại do cụ Hò đang quản lý sử dụng là 536m^2 (trong đó có phần nhà ông Quâ, bà Li xây dựng có diện tích 128,4m^2); tổng toàn bộ diện tích đất là 642,9m^2. Như vậy diện tích đất đang có tranh chấp nhiều hơn diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6,9m^2. Tại phiên tòa nguyên đơn bị đơn là bà Đư và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khẳng định toàn bộ diện tích đất hiện cụ Hò và bà Đư đang quản lý sử dụng không có tranh chấp với các hộ liền kề nên đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung cho cụ Tòng cụ Hò theo số liệu đo đạc thực tế. Qua xác minh tại địa phương phần đất tăng thêm là do cách đo đạc dẫn đến sai số, không lấn chiếm. Diện tích đất này các bên sử dụng ổn định từ trước năm 1992 cho đến nay. Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định toàn bộ diện tích đất 642,9m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 442,9m^2 đất trồng cây lâu năm), thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã Tân Phong, HUYỆN

BÌNH XUYÊNên là tài sản chung của cụ Tòng và cụ Hò.

Trên đất của cụ Hò và cụ Tòng còn có 03 gian nhà cấp 4 do cụ Hò, cụ Tòng xây dựng nhưng đã xây dựng từ lâu hiện giá trị thấp nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia. Đối với cây cối lâm lộc trồng trên đất, các đương sự đều đề nghị chia vào phần của ai thì người đó sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tài sản chung của cụ Tòng và cụ Hò là 642,9m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất thổ cư và 442,9m^2 đất trồng cây lâu năm) là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định của pháp luật vợ chồng đều có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt và có quyền yêu cầu chia tài sản chung; tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Hò về việc chia tài sản chung và chia cho cụ Hò được sử dụng 321,45 m^2 đất (Trong đó có 100 m^2 đất thổ cư và 221,45 m^2 đất trồng cây lâu năm); cùng toàn bộ tài sản xây dựng và cây cối lâm lộc trồng trên đất tại thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã Tân Phong, HUYỆN BÌNH XUYÊN như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù Hợ.

Cụ Trần Ngọc Tòng chết năm 2003, trước khi chết không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế nên di sản của cụ Tòng khi chết để lại được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2; Điều 651 Bộ luật Dân sự: Những người thừa kế theo pháp luật của hàng thừa kế thứ nhất gồm: "vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết…; những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau". Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tòng gồm: Cụ Trần Thị Hò; ông Trần Ngọc Quâ; ông Trần Ngọc Dâ; ông Trần Ngọc Vĩ; bà Trần Thị La; bà Trần Thị Đư; bà Trần Thị Yê(đã chết năm 2018), bà Y có chồng là ông Trần Xuân Tĩn và 03 người con là anh Trần Xuân Tuấ; anh Trần Xuân Huấ; chị Trần Thị Huyề; ông Trần Ngọc Ni(chết năm 2007), ông Ninh có vợ là bà Đỗ Thị Yế và có 04 người con là chị Trần Thị Hồ; chị Trần Thị Phư; chị Trần Thị Tra; chị Trần Thị Quỳ. Chồng và con của bà Y cùng cụ Hò từ chối hưởng phần di sản của bà Y nên phần di sản này được chia đều cho các thừa kế. Như vậy di sản thừa kế của cụ Tòng khi chết để lại là 321,45m^2 được phân chia cho cụ Trần Thị Hò; ông Trần Ngọc Quâ; ông Trần Ngọc Dâ; ông Trần Ngọc Vĩ; bà Trần Thị La; bà Trần Thị Đư; ông Trần Ngọc Ni(Chết năm 2007) nên mỗi người được hưởng 45,92m^2 (Trong đó có 14,28m^2 đất thổ cư, còn lại là đất vườn). Do mỗi người được hưởng 45,92m^2 nên nếu chia bằng đất thì diện tích nhỏ, mặt Đư hẹp, diện tích đất ở chỉ có 14,28m^2 và trên đất có 01 ngôi nhà do ông Quâ, bà Li xây dựng, hiện do cụ Hò đang quản lý sử dụng và 01 ngôi nhà do bà Đư và ông Hiế xây dựng, hiện bà Đư đang quản lý sử dụng nên chia cho ông Quâ và bà Đư vào

phần đất có nhà do gia đình ông Quâ và gia đình bà Đư xây dựng, phần đất còn lại do cụ Hò đang quản lý sử dụng nên giao cho cụ Hò tiếp tục quản lý sử dụng nhưng ông Quâ, bà Đư, cụ Hò phải thanh toán bằng tiền tương đương với giá trị di sản cho người được hưởng thừa kế theo như đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù Hợ.

Theo biên bản thẩm định và định giá định giá ngày 15 tháng 10 năm 2019 thì đất có giá 4.000.000đồng/1m^2; tổng trị giá đất là: 2.571.600.000đồng.

Toàn bộ khối tài sản được phân chia như sau: Bà Đư đang quản lý sử dụng 106,9 m^2 nên chia cho bà Đư được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 106,9 m^2 (Trên đất có nhà, mái tôn là tài sản chung của bà Đư và ông Hiế); chia cho ông Quâ được quản lý sử dụng diện tích đất 128,4 m^2 (Trên đất có nhà, mái tôn là tài sản chung của ông Quâ và bà Li); ông Quâ phải thanh toán trả bằng tiền cho ông Ninh là 183.680.000đồng tương đương với giá trị của 45,92m^2 đất ông Ninh được chia. Ông Ninh đã chết nên mẹ ông Ninh là cụ Hò cùng vợ ông Ninh là bàYế và 04 người con của ông Ninh là chị Hồ, chị Phư, chị Trang và chị Quỳ được hưởng phần di sản của ông Ninh nhưng mẹ, vợ và các con của ông Ninh chưa có đơn yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Ninh khi chết để lại nên phần di sản của ông Ninh được giao cho bàYế là người đại diện Hợp phápcủa ông Ninh quản lý, sau này có yêu cầu chia thừa kế, sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác; ông Quâ thanh toán trả bà La 146.240.000đồng tương đương với giá trị của 36,56m^2 đất. Bà Đư thanh toán trả ông Dâ số tiền 183.680.000đồng tương đương với giá trị của 45,92m^2 đất; thanh toán trả bà La 37.440.000đồng tương đương với giá trị của 9,36 m^2 đất); bà Đư thanh toán trả ông Vĩ 22.800.000đồng tương đương với giá trị của 5,7 m^2 đất. Cụ Hò thanh toán trả ông Trần Ngọc Vĩ 160.880.000đồng tương đương với giá trị của 40,22 m^2 đất.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong thời hạn giải quyết vụ án ông Vĩ đã nộp tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản. Nhưng ông Vĩ không yêu cầu các đương sự trong vụ án thanh toán chi phí tố tụng cho ông nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản được hưởng.

Cụ Hò, ông Quâ, ông Dâ, ông Vĩ, bà La là người cao tuổi, cụ Hò, ông Quâ, ông Dâ, ông Vĩ, bà La có đề nghị Hội đồng xét xử miễm án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì cụ Hò, ông Quâ, ông Dâ, ông Vĩ, bà La thuộc trường Hợ được miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho cụ Hò, ông Quâ, ông Dâ, ông Vĩ, bà La.

Bà Đư phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với phần án phí liên quan đến phần di sản của ông Ninh được hưởng, do ông Ninh đã chết nên trích từ phần di sản của ông Ninh được hưởng để nộp tiền án phí. Bà Y là người đại diện hợp pháp của ông Ninh nên tạm nộp số tiền này.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 213, 357, 468, 609, 612, 620, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Hò. Xác nhận tài sản chung của cụ Tòng và cụ Hò là 642,9 m^2 đất (Trong đó có 200 m^2 đất ở còn lại là đất trồng cây lâu năm), thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc; tài sản được chia cụ thể như sau:

Chia cho cụ Hò được sử dụng 407,6 m^2 đất cùng toàn bộ tài sản và cây cối lâm lộc được xây dựng và trồng trên đất (Trong đó có 130 m^2 đất thổ cư còn lại là đất trồng cây lâu năm), thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc; được đánh số theo hình 1,2,3,9,11,12,13,1 (Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho ông Trần Ngọc Quâ được sử dụng 128,4 m^2 đất (Trong đó có 35 m^2 đất thổ cư còn lại là đất trồng cây lâu năm), trên đất có 01 nhà cấp bốn và 01 mái tôn (Là tài sản chung của ông Quâ và bà Li), thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc; được đánh số theo hình 3,4,8,9,3 (Có sơ đồ kèm theo).

Chia cho bà Trần Thị Đư được quyền sử dụng 106,9 m^2 đất (Trong đó có 35 m^2 đất thổ cư còn lại là đất trồng cây lâu năm), trên đất có 01 nhà cấp bốn và 01 mái tôn (Là tài sản chung của bà Đư và ông Hiế), thửa số 123, tờ bản đồ số 13 tại thôn Nam Bản, xã T, huyện B,tỉnh Vĩnh Phúc; được đánh số theo hình 4,5,6,7,8,4 (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc cụ Trần Thị Hò phải thanh toán phần di sản thừa kế bằng tiền cho ông Trần Ngọc Vĩ với tổng số tiền là 160.880.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) (Tương đương với 40,22m^2 đất).

Buộc ông Trần Ngọc Quâ phải thanh toán phần di sản thừa kế bằng tiền cho ông Trần Ngọc Ninh, với tổng số tiền là 183.680.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) (Tương đương với 45,92m^2 đất); ông Ninh đã chết nên giao cho bà Đỗ Thị Yế, vợ ông Ninh là người đại diện Hợp pháp của ông Ninh nhận tiền; ông Quâ thanh toán trả cho bà Trần Thị La 146.240.000đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) (Tương đương với 36,56m^2 đất).

Buộc bà Trần Thị Đư phải thanh toán phần di sản thừa kế bằng tiền cho ông Trần Ngọc Dâ, với tổng số tiền là 183.680.000đồng (Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) (Tương đương với 45,92m^2 đất); bà Đư phải thanh toán trả cho bà Trần Thị La 37.440.000đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) (Tương đương với 9,36m^2 đất); bà Đư phải thanh toán trả ông Trần Ngọc Vĩ số tiền 22.800.000đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) (Tương đương với 5,7m^2 đất).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu cụ Hò, ông Quâ, bà Đư không thanh toán trả khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Cụ Hò, ông Quâ, ông Dâ, ông Vĩ, bà La không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Yế nộp số tiền án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần di sản ông Ninh được hưởng là 9.184.000đồng (Chín triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Bà Trần Thị Đư phải chịu 9.184.000đồng (Chín triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND HUYỆN BÌNH XUYÊNên;
- Chi cục THADS HUYỆN BÌNH XUYÊNên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Tố Uyên